

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2350/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 26 tháng 11 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Kế hoạch hành động tái cơ cấu ngành thủy sản Phú Yên theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 889/QĐ-TTg ngày 10/6/2013 của Thủ tướng Chính Phủ phê duyệt Đề án tái cơ cấu Ngành Nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển kinh tế bền vững;

Căn cứ các Quyết định của Bộ Nông nghiệp và PTNT: Số 2760/QĐ-BNN-TCTS ngày 22/11/2013 phê duyệt Đề án Tái cơ cấu ngành Thủy sản; số 1176/QĐ-BNN-TCTS ngày 28/5/2014 ban hành Chương trình hành động thực hiện Đề án “Tái cơ cấu ngành Thủy sản theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững”;

Căn cứ các Quyết định của UBND Tỉnh: Số 1533/QĐ-UBND ngày 10/09/2013 về việc phê duyệt Đề án chuyển dịch cơ cấu kinh tế tỉnh Phú Yên đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; số 1008/QĐ-UBND ngày 16/6/2015 phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành Nông nghiệp tỉnh Phú Yên theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Thông báo số 5909/TB-BNN-VP ngày 24/7/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về ý kiến kết luận của Bộ trưởng Cao Đức Phát tại Hội nghị sơ kết 02 năm thực hiện tái cơ cấu ngành thủy sản;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT (tại Tờ trình số 319/TTr-SNN ngày 30/10/2015),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch hành động tái cơ cấu ngành thủy sản Phú Yên theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030.

(Kế hoạch chi tiết kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND Tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Công Thương, Khoa học và Công nghệ, Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố ven biển; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Văn Trúc

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH PHÚ YÊN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH

Hành động tái cơ cấu ngành thủy sản Phú Yên theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2350/QĐ-UBND ngày 27/11/2015

của UBND tỉnh Phú Yên)

I. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu chung

Phát triển thủy sản bền vững cả về kinh tế, xã hội, môi trường. Xây dựng ngành thủy sản theo hướng hiện đại, nâng cao giá trị gia tăng, có khả năng cạnh tranh cao trên thị trường.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Duy trì tốc độ tăng trưởng cao, nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh thông qua tăng năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng. Tốc độ tăng trưởng bình quân giá trị sản xuất thủy sản đạt trên 06%/năm. Trong đó, giá trị khai thác thủy sản tăng trưởng bình quân trên 2,4%/năm; giá trị nuôi trồng thủy sản tăng trưởng bình quân trên 6,5%/năm; tốc độ tăng trưởng bình quân giá trị xuất khẩu thủy sản đạt trên 06%/năm.

b) Nâng cao thu nhập và cải thiện mức sống cho cộng đồng ngư dân ven biển, góp phần đảm bảo an ninh lương thực, thực phẩm, giảm tỷ lệ đói nghèo. Đến năm 2020, thu nhập bình quân lao động thủy sản cao gấp 2,5 lần so với năm 2010.

c) Tăng cường năng lực quản lý tài nguyên, nguồn lợi thủy sản, giảm thiểu tối đa các tác động tiêu cực từ ô nhiễm môi trường, dịch bệnh; chủ động quản lý rủi ro, phòng chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng. Đến năm 2020 có 70% cơ sở sản xuất kinh doanh thủy sản đáp ứng các quy chuẩn về bảo vệ môi trường, 100% các cơ sở xây dựng mới đạt các quy chuẩn về bảo vệ môi trường.

3. Các chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2020

a) Giá trị sản xuất lĩnh vực thủy sản bình quân hàng năm tăng 5,5 - 6,0%; tỷ trọng giá trị sản lượng thủy sản chiếm khoảng 37,0% của tổng giá trị sản xuất ngành Nông - lâm - thủy sản vào năm 2020.

b) Phân đầu giai đoạn 2016 - 2020 sản lượng thủy sản hàng năm đạt khoảng 66.500 tấn (bình quân tăng 3,2%/năm); trong đó:

- Sản lượng đánh bắt hàng năm đạt khoảng 53.000 tấn (BQ tăng 2,4%/năm);
- Sản lượng nuôi trồng hàng năm đạt khoảng 13.500 tấn (BQ tăng 6,5%/năm).

c) Diện tích nuôi trồng thủy sản các loại hàng năm khoảng 3.200ha (*trong đó diện tích nuôi tôm nước lợ khoảng 2.500ha*).

d) Tỷ lệ diện tích nuôi trồng thủy sản theo VietGAP và tương đương chiếm từ 80% trở lên.

e) Nuôi thủy sản bằng lồng bè hàng năm khoảng 31.000 lồng (*trong đó tôm hùm khoảng 27.000 lồng*).

f) Sản xuất giống thủy sản các loại hàng năm khoảng 2,5 tỷ con (*trong đó tôm giống khoảng 2,4 tỷ post*); bảo đảm trên 70% giống thủy sản được kiểm dịch.

g) Tỷ lệ diện tích nuôi trồng thủy sản đạt giá trị sản phẩm từ 200 triệu đồng/ha/năm trở lên chiếm từ 50% trở lên.

h) Tổng số tàu thuyền đánh bắt thủy sản hàng năm khoảng 6.200 chiếc, trong đó phần đầu đến năm 2020 toàn Tỉnh có khoảng 1.700 tàu công suất từ 90CV trở lên tham gia khai thác xa bờ.

l) Tỷ lệ tàu cá hoạt động an toàn chiếm từ 98% trở lên.

m) Giảm tổn thất sau khai thác thủy sản từ trên 20% hiện nay xuống dưới 10% vào năm 2020, đối với nghề khai thác cá ngừ.

n) Nâng tỷ trọng sản phẩm giá trị gia tăng lên 60 - 70% (hiện tại ước tính khoảng 40-50%) so với tổng sản lượng thủy sản chế biến. Phần đầu đến năm 2020 tổng năng lực chế biến thủy sản đạt 50.000 tấn sản phẩm/năm.

o) Thu nhập bình quân lao động thủy sản cao gấp 2,5 lần so với năm 2010.

II. PHẠM VI TRIỂN KHAI

Thành phố Tuy Hòa, thị xã Sông Cầu, huyện Tuy An, huyện Đông Hòa.

III. ĐỊNH HƯỚNG TÁI CƠ CẤU NGÀNH THỦY SẢN PHÚ YÊN ĐẾN NĂM 2020

1. Nuôi trồng thủy sản

- Phát triển nuôi trồng thủy sản theo hướng bền vững, hiệu quả, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm phù hợp với yêu cầu thị trường tiêu thụ, trong đó tập trung nuôi các đối tượng nuôi có giá trị kinh tế cao như: Tôm thẻ chân trắng trên địa bàn huyện Đông Hòa; nuôi tôm sú trên địa bàn huyện Tuy An và thị xã Sông Cầu, nuôi tôm hùm, cá biển ở thị xã Sông Cầu và huyện Tuy An.

- Tiếp tục ổn định quy mô diện tích nuôi trồng khoảng 11.095ha, trong đó diện tích ao địa nước lợ 2.171,67ha (thị xã Sông Cầu 849,78ha, huyện Tuy An 369,2ha, huyện Đông Hòa 952,69ha); diện tích mặt nước biển: 1.650ha (thị xã Sông Cầu 1.000ha, huyện Tuy An 650ha); diện tích ao địa nước ngọt 188,17ha (huyện Tuy An 30ha, huyện Đông Hòa 30ha, huyện Tây Hòa 32,38ha, huyện Sông Hinh 76,47ha, huyện Sơn Hòa 7,17ha); diện tích sản xuất giống 85,04ha; diện tích mặt nước lớn, hồ thủy điện, thủy lợi nuôi nước ngọt 7.000ha.

- Về giống: Nâng cao năng lực chọn tạo và quản lý giống, bảo đảm 90% nhu cầu giống các đối tượng nuôi thủy sản (tôm sú, tôm thẻ, tôm hùm, cá rô phi, cá hồng, cá chình, cua biển...) sạch bệnh.

- Đẩy mạnh áp dụng thực hành nuôi trồng thủy sản tốt, nuôi thủy sản có chứng nhận. Phát triển các vùng nuôi thủy sản thâm canh ứng dụng công nghệ cao, nuôi tiết kiệm nước, nuôi an toàn sinh học, bảo vệ môi trường sinh thái.

- Nhà nước tập trung phát triển các công trình hạ tầng đầu mối phục vụ vùng nuôi trồng tập trung (Hạ lưu Sông Bàn Thạch, huyện Đông Hòa; đầm Cù Mông và vịnh Xuân Đài, thị xã Sông Cầu; xã An Hải, huyện Tuy An...), dịch vụ thú y thủy sản, giám sát môi trường nuôi.

- Phát triển các mô hình nuôi liên kết với doanh nghiệp; phát triển hệ thống tư thương, thu mua, kết nối với các nhà máy chế biến, các chợ, siêu thị trong tỉnh và thị trường ngoài tỉnh để tiêu thụ sản phẩm thủy sản.

2. Về khai thác thủy sản

- Đảm bảo sinh kế lâu dài cho ngư dân, bảo vệ được môi trường và phát triển nguồn lợi thủy sản; đẩy mạnh khai thác xa bờ, theo hướng khai thác các đối tượng có giá trị kinh tế cao như: Cá ngừ đại dương, cá ngừ vằn, cá thu, cá cò, mực,... để nâng cao hiệu quả khai thác và giảm tổn thất sau thu hoạch. Gắn khai thác thủy sản với bảo vệ chủ quyền quốc gia và an ninh quốc phòng trên các vùng biển, đảo của Tổ quốc.

- Đến năm 2020 giữ ổn định sản lượng khai thác, đánh bắt thủy sản khoảng 53.000 tấn/năm, trong đó sản lượng cá ngừ vây vàng và cá ngừ mắt to khoảng 6.500 tấn/năm, sản lượng cá ngừ vằn khoảng 17.500 tấn/năm; tổng số tàu cá khoảng 6.200 chiếc, trong đó tàu có công suất từ 90CV trở lên khoảng 1.700 chiếc, chủ yếu khai thác hải sản xa bờ và tàu dịch vụ hậu cần khai thác xa bờ.

- Tổ chức sản xuất trên biển theo mô hình Tổ/đội ngư dân đoàn kết sản xuất trên biển và mô hình đồng quản lý đối với vùng biển ven bờ.

- Về chính sách, tập trung tổ chức thực hiện tốt Nghị định 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản; Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp; Quyết định số 48/2010/QĐ-TTg ngày 13/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ về Một số chính sách khuyến khích, hỗ trợ khai thác, nuôi trồng thủy sản và dịch vụ khai thác hải sản trên các vùng biển xa... Trong đó: Dự kiến số lượng đóng mới, cải hoán, nâng cấp tàu khai thác hải sản và tàu dịch vụ hậu cần phục vụ khai thác hải sản xa bờ cho 04 huyện/thị/TP của tỉnh Phú Yên (được Bộ Nông nghiệp và PTNT phân bổ cho Tỉnh): Lũy kế đến năm 2016: Đóng mới 185 tàu khai thác và DVHC; nâng cấp, cải hoán 465 tàu; lũy kế đến năm 2020: Đóng mới 315 tàu và nâng cấp, cải hoán 705 tàu, tập trung 02 nghề chủ lực là câu cá ngừ Đại dương và vây cá ngừ.

Bảng 1: Số lượng tàu dự kiến phân bổ đến năm 2016

TT	Địa phương	Đóng mới (chiếc)			Cải hoán, nâng cấp (chiếc)		
		Tàu câu	Tàu vây	Dịch vụ	Tàu câu	Tàu vây	Dịch vụ
1	TP. Tuy Hòa	35	15	03	225	15	02
2	TX Sông Cầu	05	10	02	15	25	02
3	H. Tuy An	20	25	03	30	35	03
4	H. Đông Hòa	10	50	03	30	75	06
5	Doanh nghiệp			04			02
Tổng cộng		70	70	100	15	300	150

Bảng 2: Số lượng tàu dự kiến phân bổ đến năm 2020

Địa phương	Đóng mới (chiếc)			Cải hoán nâng cấp (chiếc)		
	Câu	Vây	DVHC	Câu	Vây	DVHC
TP Tuy Hòa	45	25	03	305	20	02

TX Sông Cầu	10	40	02	45	30	02
Huyện Tuy An	30	35	03	80	45	03
Huyện Đông Hòa	15	90	03	80	85	06
Doanh nghiệp		10	04	0	0	02
Tổng cộng	100	200	15	510	180	15

3. Về chế biến, tiêu thụ thủy sản

- Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư xây dựng các cơ sở chế biến và xuất khẩu, gắn với phát triển nuôi trồng thủy sản, đánh bắt thủy sản đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và nâng cao chất lượng đáp ứng nhu cầu thị trường nội địa và xuất khẩu. Trong đó giảm chế biến thô và sơ chế, nâng cao tỷ trọng chế biến các mặt hàng giá trị gia tăng, đa dạng hoá các sản phẩm chế biến và thị trường tiêu thụ phù hợp với thị hiếu, văn hoá tiêu dùng trên cơ sở phát huy lợi thế so sánh của địa phương.

- Mở rộng áp dụng hệ thống quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm theo ISO, HACCP, GMP, SSOP,...; nghiên cứu và đầu tư ứng dụng công nghệ trong bảo quản và chế biến sau thu hoạch, công nghệ cấp đông sản phẩm (CAS), giảm tỷ lệ thất thoát và tiêu thụ có giá trị cao.

- Phát triển chế biến, tiêu thụ thủy sản trong môi liên kết chuỗi sản xuất nuôi trồng, khai thác, chế biến, thương mại sản phẩm thủy sản để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và ngư dân khai thác.

- Phát huy hiệu quả các nhà máy chế biến thủy sản đã đầu tư; khuyến khích đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ và kỹ thuật đồng bộ nhằm tăng năng suất, đảm bảo tiêu chuẩn xuất khẩu sang các thị trường EU, Nhật Bản, Mỹ,...

- Khuyến khích và tạo điều kiện đầu tư các nhà máy chế biến thủy sản đóng hộp đứng vững trên thị trường trong nước và phát triển ra thị trường nước ngoài. Từng bước xây dựng và phát triển thương hiệu cho các sản phẩm thủy sản thế mạnh của Tỉnh như: Tôm hùm, cá ngừ đại dương.

- Phát triển nghề chế biến nước mắm truyền thống trên cơ sở nâng cao chất lượng, đa dạng hóa mẫu mã, bao bì, xây dựng thương hiệu, làng nghề.

4. Đối với dịch vụ hậu cần thủy sản

- Khôi phục và phát triển lĩnh vực đóng, sửa tàu cá, sản xuất ngư cụ, máy móc thiết bị phục vụ nghề cá, hình thành hệ thống cơ sở hạ tầng dịch vụ hậu cần thủy sản đồng bộ.

- Áp dụng các tiến bộ công nghệ tin học, bảo quản sau thu hoạch tiên tiến trong quản lý và hiện đại hóa ngành thủy sản.

5. Tập trung đầu tư các dự án trọng điểm

a) Dự án đầu tư nhà máy thu mua, chế biến và xuất khẩu cá ngừ đại dương, tại TP. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên, năng suất: Dự kiến 2.000-3.000 tấn cá ngừ/năm.

b) Đầu tư xây dựng các Trung tâm dịch vụ hậu cần nghề cá, tại thị xã Sông Cầu và TP. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên, diện tích: 10 ha, đáp ứng cho 1.000 tàu.

c) Dự án cụm công nghiệp đóng sửa tàu thuyền Tiên Châu tại thôn Tiên Châu, xã An Ninh Tây, diện tích 12ha (Phía trên Cảng cá Tiên Châu).

d) Tập trung đầu tư theo danh mục các Dự án đầu tư đã được UBND Tỉnh đăng ký Danh mục với Bộ Nông nghiệp và PTNT tại Văn bản số 3458/UBND - KT ngày 22/8/2014 thực hiện theo Nghị định số 67/2014/CP-NĐ.

IV. TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030

Ngành thủy sản hoàn thành sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tiếp tục phát triển toàn diện, tăng trưởng hướng theo chất lượng, phát triển ổn định, bền vững, trở thành ngành sản xuất hàng hóa lớn, có cơ cấu và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý. Đời sống ngư dân và lao động thủy sản ấm no, hạnh phúc; đồng thời bảo vệ môi trường sinh thái, nguồn lợi thủy sản và góp phần bảo vệ quốc phòng, an ninh trên các vùng biển, đảo của Tổ quốc.

Tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng và giá trị sản xuất thủy sản trong tổng giá trị sản xuất nông lâm thủy sản từ 40% trở lên.

Tốc độ tăng GDP ngành thủy sản bình quân đạt 6-8%/năm;

Tốc độ tăng giá trị sản xuất thủy sản bình quân đạt 8-10%/năm;

Tốc độ tăng giá trị xuất khẩu bình quân đạt 6-7%/năm.

- Sản lượng khai thác thủy sản đạt 63.000 tấn/năm.

- Giữ ổn định đội tàu khai thác hải sản xa bờ từ 90CV trở lên khoảng 2.000 chiếc.

- Tốc độ tăng giá trị sản xuất khai thác thủy sản đạt 17-18%/năm.

- Sản lượng nuôi trồng thủy sản đạt 18.500 tấn/năm.

- Tốc độ tăng giá trị sản xuất nuôi trồng thủy sản đạt 4,5%/năm.

- Giá trị kim ngạch xuất khẩu thủy sản đạt 140 triệu USD.

- Tỷ lệ diện tích nuôi trồng thủy sản theo VietGAP và tương đương chiếm từ 95% trở lên.

- Tỷ lệ diện tích nuôi trồng thủy sản đạt giá trị sản phẩm từ 200 triệu đồng/ha/năm trở lên chiếm từ 90% trở lên.

- Tỷ lệ tàu cá hoạt động an toàn chiếm từ 99% trở lên.

- Tỷ lệ sản phẩm thủy sản chế biến tăng giá trị 80% trở lên.

- Tỷ lệ sản phẩm có liên kết, sản xuất theo chuỗi chiếm từ 40% trở lên.

- Tốc độ tăng vốn đầu tư khu vực doanh nghiệp và lĩnh vực thủy sản từ 20% trở lên.

V. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về tái cơ cấu

Tổ chức tuyên truyền và quán triệt Đề án tái cơ cấu ngành Nông nghiệp và Kế hoạch hành động tái cơ cấu ngành Thủy sản theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững đến các cơ quan đơn vị, địa phương và qua đó đến ngư dân, các hộ nuôi trồng thủy sản, doanh nghiệp, các cơ sở chế biến thủy sản trong toàn Tỉnh để có nhiều thông tin triển khai thực hiện.

2. Rà soát, điều chỉnh, xây dựng quy hoạch, lựa chọn một số sản phẩm chính có lợi thế để tập trung chỉ đạo thực hiện và triển khai một số chính sách phát triển ngành thủy sản

- Tiếp tục xây dựng mới, rà soát điều chỉnh một số quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, sản phẩm chủ lực, có lợi thế địa phương, có thị trường tiêu thụ tương đối ổn định, trong đó:

+ Quy hoạch tổng thể ngành thủy sản tỉnh Phú Yên đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030.

+ Quy hoạch nuôi trồng thủy sản nước lợ, mặn ven biển đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

+ Quy hoạch khai thác thủy sản và dịch vụ hậu cần nghề cá vùng ven biển tỉnh Phú Yên đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

+ Quy hoạch chi tiết khu đất đầu tư xây dựng cảng cá ngư chuyên dụng, chợ đầu giá cá ngư tỉnh Phú Yên.

- Trước mắt tập trung chỉ đạo thực hiện Đề án: “Thí điểm chuỗi liên kết khai thác, thu mua, chế biến và tiêu thụ cá ngư”. Đơn vị thực hiện: Công ty Cổ phần Bá Hải, địa chỉ: Lô A9, A11, Khu Công nghiệp Hoà Hiệp, huyện Đông Hoà. Quy mô liên kết 05 Tổ đội sản xuất trên biển (50 tàu cá), đóng mới 08 tàu vỏ Composit (1.100 CV/tàu); cải hoán 30 tàu cá, xây dựng nhà máy chế biến công suất 10.000 tấn cá ngư các loại/năm. Dự kiến sản lượng cá ngư đại dương đánh bắt 1.500 tấn/năm. Dự kiến kinh phí 260 tỷ đồng, trong đó vay vốn theo Nghị định 67/2014/NĐ-CP với số tiền 186 tỷ đồng gồm: Vay dài hạn 150,4 tỷ đồng, vay ngắn hạn 35,6 tỷ đồng. Mục tiêu chung là nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng của sản phẩm cá ngư đại dương bằng việc tổ chức liên kết chuỗi từ khai thác, thu mua, chế biến và xuất khẩu, ứng dụng công nghệ tiên tiến của Nhật Bản về kỹ thuật khai thác, sơ chế, bảo quản trên tàu, công nghệ cấp đông sản phẩm (CAS) để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và ngư dân khai thác.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách phát triển thủy sản theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ; Quyết định số 48/2010/QĐ-TTg ngày 13/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách khuyến khích, hỗ trợ khai thác, nuôi trồng hải sản và dịch vụ khai thác hải sản trên các vùng biển xa; Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp; Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

- Thành lập Hiệp hội sản xuất và kinh doanh tôm hùm tỉnh Phú Yên; xây dựng chuỗi liên kết tôm hùm.

4. Tổ chức lại sản xuất

- Điều chỉnh cơ cấu tàu thuyền theo hướng: Giảm tàu thuyền có công suất dưới 30CV, tăng tàu thuyền có công suất từ 30CV trở lên hoạt động khai thác hải sản ở vùng lộng, vùng khơi.

- Điều chỉnh cơ cấu nghề nghiệp theo hướng: Tăng số nghề khai thác có hiệu quả như câu, lưới vây, nghề lưới chụp; giảm những nghề khai thác kém hiệu quả, nhất là những nghề xâm hại đến nguồn lợi thủy như lưới kéo, lưới rê 03 màn.

- Đối với vùng biển ven bờ: Phát triển các mô hình Tổ đồng quản lý nghề cá ven bờ, mô hình Khu bảo vệ biển/đa dạng sinh học cao do chính quyền địa phương quản lý. Đối với vùng lộng, vùng khơi: Phát triển các Tổ/đội sản xuất trên biển.

- Bảo vệ và phục hồi các hệ sinh thái biển có giá trị kinh tế cao như rạn san hô, cỏ biển, ... để tạo cảnh quan, môi trường sinh thái biển.

- Thả giống tái tạo nguồn lợi thủy sản (các giống bản địa, có nguy cơ bị tuyệt chủng).

- Phát triển bền vững nghề nuôi tôm nước lợ và nuôi tôm hùm; đẩy mạnh nuôi biển các đối tượng phù hợp: Cá mú, cá bóp, cá chim, rong biển,... Phối hợp với các địa phương ven biển giao diện tích mặt nước cho các hộ nuôi tôm hùm, nuôi biển, giảm mật độ lồng nuôi phù hợp với quy định.

- Quản lý chất lượng con giống, kiểm soát nguồn giống bố mẹ khi nhập vào trong Tỉnh, quản lý con giống đúng quy định khi xuất ra khỏi cơ sở sản xuất giống.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện hệ thống quan trắc cảnh báo môi trường và phòng ngừa dịch bệnh.

- Nâng cao tỷ lệ diện tích các vùng nuôi thủy sản được chứng nhận VietGAP, GlobalGAP và các tiêu chuẩn khác. Phát triển mạnh mẽ các mô hình liên kết chuỗi sản xuất, phân phối, giảm thiểu dần dần mỗi trung gian, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm soát, giám sát an toàn thực phẩm.

- Tổ chức lại sản xuất thủy sản theo chuỗi giá trị từ sản xuất/khai thác, chế biến; thực hiện việc truy xuất nguồn gốc và xây dựng thương hiệu các sản phẩm thủy sản, hình thành hệ thống kênh phân phối sản phẩm thủy sản trong và ngoài Tỉnh. Tăng tỷ lệ sản phẩm có liên kết, hợp tác theo chuỗi trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm thủy sản (từ 20% trở lên).

- Tăng cường lực lượng thanh tra chuyên ngành thủy sản.

- Tăng vốn đầu tư khu vực doanh nghiệp vào sản xuất, chế biến, kinh doanh thủy sản từ 20%/năm.

5. Xúc tiến đầu tư và thương mại thủy sản

- Xây dựng, triển khai các hoạt động xúc tiến thương mại nhằm duy trì tốt thị trường sẵn có, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm thủy sản bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm đến một số thành phố lớn, ưu tiên các thị trường trọng điểm thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Đồng Nai, tỉnh Bình Dương. Chú trọng thị trường xuất khẩu như: Mỹ, Nhật Bản, EU,...

- Hỗ trợ các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh, chế biến thủy sản xây dựng phát triển thương hiệu lớn, có uy tín, gắn với chỉ dẫn địa lý đối với các sản phẩm thủy sản có giá trị; tiếp tục hỗ trợ doanh nghiệp đẩy mạnh xúc tiến thương mại, đa dạng hóa thị trường.

- Khuyến khích thành lập các doanh nghiệp, Hợp tác xã, tổ hợp tác trong lĩnh vực thủy sản để tạo thành vùng khai thác, sản xuất thủy sản tập trung đủ sức cạnh tranh trên thị trường.

- Xây dựng hệ thống thông tin và nâng cao hiệu quả công tác dự báo thị trường để phổ biến kịp thời thông tin thị trường đến các doanh nghiệp để định hướng sản xuất hiệu quả.

6. Khoa học công nghệ và đào tạo nghề

- Nghiên cứu các công nghệ mới để phục vụ sản xuất thủy sản tập trung. Ưu tiên đối với các công nghệ như: Giảm tổn thất sau khi thu hoạch; phòng ngừa, phát hiện và xử lý sớm dịch bệnh; nâng cao chất lượng con giống; áp dụng khoa học tiên tiến vào nuôi các đối tượng có giá trị kinh tế cao như tôm thẻ chân trắng, tôm sú, tôm hùm, cá biển.

- Ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ trong chế biến, bảo quản thủy sản như: Công nghệ cấp đông siêu nhanh, sấy chân không thăng hoa, sấy bức xạ hồng ngoại, công nghệ enzyme, công nghệ bảo quản thủy sản sống bằng phương pháp ngủ đông, bao gói MAP,.... Áp dụng tiêu chuẩn Quốc tế như: HACCP, Codex, ISO, BRC-food, Halal,... đáp ứng tốt yêu cầu về chất lượng và an toàn thực phẩm.

- Tổ chức đào tạo nghề cho lao động khai thác hải sản từ ven bờ ra xa bờ, vận hành tàu vỏ thép và vật liệu mới, thuyền trưởng, máy trưởng hạng 04 cho ngư dân; đào

tạo nghề, tập huấn kỹ thuật nuôi cho các hộ nuôi trồng thủy sản; tiếp tục bồi dưỡng, nâng cao năng lực cán bộ quản lý ngành thủy sản.

7. Khuyến khích thu hút đầu tư tư nhân, nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng các nguồn đầu tư công

- Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư vào lĩnh vực thủy sản; phát triển các hình thức đầu tư có sự tham gia giữa Nhà nước và tư nhân (đối tác công tư, hợp tác công tư,...) để huy động nguồn lực xã hội cho phát triển thủy sản và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công.

- Tăng đầu tư cơ sở hạ tầng cho nuôi trồng thủy sản tập trung, phát triển giống thủy sản, hệ thống cảnh báo và giám sát môi trường, hệ thống quản lý và dịch bệnh và thú y thủy sản; tiếp tục đầu tư nâng cấp và xây dựng mới các dự án cơ sở hạ tầng phục vụ đánh bắt thủy sản như cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá; hỗ trợ trang thiết bị máy định vị tàu thuyền phần đầu sau năm 2015 giám sát được 100% tàu cá hoạt động ở vùng biển xa bờ (thiết bị Trạm bờ, máy liên lạc định vị vệ tinh, đài tàu); hỗ trợ phương thức phối hợp quản lý khai thác bảo vệ nguồn lợi ven bờ; hỗ trợ đầu tư bảo quản chế biến giảm tổn thất sau thu hoạch, cải hoán nâng công suất, hiện đại hoá tàu thuyền đánh bắt xa bờ, giảm tàu thuyền khai thác ven bờ.

8. Về chuyển dịch cơ cấu sản phẩm, nâng cao chất lượng, sử dụng hiệu quả phế phụ phẩm; tăng cường quản lý chất lượng, ATVSTP

- Chuyển dịch hợp lý cơ cấu sản phẩm theo hướng chế biến sâu, chế biến tinh, nâng cao chất lượng và tỷ trọng các sản phẩm có giá trị gia tăng cao, hạn chế đến mức thấp nhất việc sản xuất và xuất khẩu các sản phẩm thô.

- Đa dạng hóa sản phẩm thủy sản chế biến, tập trung sản xuất các sản phẩm có giá trị gia tăng phù hợp với thị hiếu từng thị trường như: Tôm (PTO, Sushi, Nobashi, Tempura, Butterfly PTO,...); cá biển (surimi, khô tẩm gia vị ăn liền, đồ hộp,...); thực phẩm chức năng từ rong biển,...

- Tiếp tục triển khai các Chương trình giám sát an toàn thực phẩm, tăng cường năng lực cho hệ thống kiểm tra, thanh tra, kiểm nghiệm chất lượng ATVSTP, sản phẩm thủy sản, đảm bảo quyền lợi cho người tiêu dùng; trong đó: Loại cơ sở sản xuất giống thủy sản được kiểm tra chiếm tỷ lệ 90%, loại cơ sở sản xuất kinh doanh thủy sản được kiểm tra chiếm tỷ lệ 100% theo Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

9. Nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý nhà nước lĩnh vực ngành

- Nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực quản lý, điều hành và phát huy vai trò trách nhiệm và trung thực của đội ngũ Đảng viên trong thực hiện nhiệm vụ ở cơ sở; đẩy mạnh công tác quy hoạch cán bộ gắn với tăng cường đào tạo bồi dưỡng, luân chuyển cán bộ, đảm bảo xây dựng đội ngũ cán bộ công chức, viên chức vừa hồng vừa chuyên ở các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị được giao và nguồn cán bộ kế thừa của ngành trong tương lai.

- Triển khai thực hiện Thông tư liên tịch số 14/2015/TTLT-BNNPTNT-BNV ngày 25/3/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT-Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân cấp Tỉnh, cấp huyện và Thông tư số 15/2015/TT-BNNPTNT ngày 26/3/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn

nhệm vụ các Chi cục và các tổ chức sự nghiệp trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Trước mắt Trung tâm Giống và Kỹ thuật Thủy sản, rà soát, xây dựng đề án theo hướng doanh nghiệp hóa hoặc cổ phần hóa về giống chủ lực phục vụ tái cơ cấu theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định (Thông báo kết luận số 10115/TB-BNN-VP, ngày 18/12/2014 của Bộ trưởng Cao Đức Phát tại Hội nghị công tác giống cây trồng, vật nuôi).

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và PTNT

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban ngành, đơn vị, địa phương liên quan xây dựng, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch, danh mục các dự án đầu tư phát triển ngành Thủy sản trên địa bàn Tỉnh để triển khai thực hiện kế hoạch, trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc phê duyệt theo thẩm quyền.

- Phối hợp, hướng dẫn các địa phương ven biển rà soát, xây dựng quy hoạch phát triển ngành Thủy sản thực hiện cơ chế, chính sách quản lý thủy sản liên quan để đảm bảo tính bền vững của kế hoạch.

- Hàng năm, lập dự toán ngân sách triển khai Kế hoạch cùng với lập dự toán kinh phí của ngành nông nghiệp; gửi Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp và thẩm định, trình UBND Tỉnh xem xét, quyết định.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và PTNT cân đối vốn đầu tư phát triển, vốn ODA và các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện Kế hoạch.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch.

3. Sở Tài chính

- Hàng năm căn cứ khả năng ngân sách phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và PTNT báo cáo đề xuất cho UBND Tỉnh về dự toán ngân sách chi thường xuyên khối Tỉnh để thực hiện Kế hoạch hành động thực hiện Đề án Tái cơ cấu ngành thủy sản Phú Yên theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 theo đúng quy định.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch.

4. Sở Công Thương

- Chủ trì phối hợp với các ngành liên quan, nghiên cứu, rà soát các chính sách về thương mại linh hoạt, hiệu quả, tạo thuận lợi thúc đẩy tiêu thụ thủy sản trong và ngoài nước. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp chế biến thủy sản gắn với chuỗi liên kết sản xuất - chế biến - tiêu thụ sản phẩm.

- Xây dựng hệ thống thông tin và nâng cao hiệu quả công tác dự báo thị trường các sản phẩm thủy sản để phổ biến kịp thời thông tin thị trường đến các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh, chế biến thủy sản biết chủ động sản xuất các sản phẩm thủy sản có giá trị, đạt hiệu quả.

- Kiểm soát chặt chẽ, xử lý nghiêm hoạt động buôn lậu và gian lận trong thương mại hàng hoá thủy sản.

5. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, các sở, ban, ngành có liên quan đề xuất điều chỉnh, bổ sung các cơ chế, chính sách có liên quan tới hỗ trợ tăng cường năng lực nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học, công nghệ và tiến bộ kỹ thuật, xã hội hoá nguồn lực cho phát triển khoa học, công nghệ; điều chỉnh cơ cấu đề tài nghiên cứu, tập trung vào các nhiệm vụ chính của Đề án tái cơ cấu ngành thủy sản, qua đó hỗ trợ ngành nông nghiệp và PTNT thực hiện nhiệm vụ tái cơ cấu.

- Hướng dẫn, hỗ trợ đẩy mạnh thực hiện việc xây dựng và phát triển thương hiệu đối với các sản phẩm hàng hoá thủy sản thế mạnh trên địa bàn Tỉnh nhằm nâng cao giá trị, tăng sức cạnh tranh các sản phẩm thủy sản của Tỉnh.

6. Các sở, ngành, đơn vị có liên quan

- Xây dựng kế hoạch, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT và các Sở, ngành, đơn vị, địa phương liên quan tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các nội dung của Kế hoạch (đã giao cho ngành, đơn vị mình);

- Cân đối, bố trí, lồng ghép kinh phí đảm bảo các hoạt động thuộc lĩnh vực phụ trách để triển khai có hiệu quả các hoạt động của Kế hoạch.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch.

7. Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố ven biển

- Xây dựng kế hoạch hành động cụ thể và tổ chức triển khai thực hiện trong phạm vi huyện, thị xã, thành phố; cân đối, bố trí đủ kinh phí đảm bảo triển khai tốt các hoạt động của Kế hoạch này tại địa phương.

- Chỉ đạo các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể, địa phương thực hiện các nhiệm vụ được phân công liên quan đến việc triển khai thực hiện kế hoạch.

- Tiến hành sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch theo định kỳ 06 tháng, hàng năm và đột xuất, báo cáo về Sở Nông nghiệp và PTNT để tổng hợp báo cáo UBND Tỉnh và Bộ Nông nghiệp và PTNT.

8. Các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực khai thác, nuôi trồng, chế biến thủy sản

- Thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách của Nhà nước và nội dung tái cơ cấu ngành thủy sản; đầu tư đổi mới quy trình sản xuất, công nghệ và thiết bị để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên.

- Xây dựng kế hoạch theo hướng đẩy mạnh các hoạt động liên doanh, liên kết để tăng cường sức mạnh khi tham gia vào chuỗi giá trị; đẩy mạnh hoạt động xây dựng và phát triển thương hiệu, khai thác chỉ dẫn địa lý đối với hàng hóa thủy sản xuất khẩu. Trên cơ sở đó đề xuất những vấn đề cần tập trung giải quyết để hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện các nội dung trong kế hoạch tái cơ cấu ngành thủy sản.

9. Hội nghề cá tỉnh Phú Yên, Hiệp hội cá ngừ, các Hội có liên quan

Tham gia thực hiện các hoạt động thông tin, tuyên truyền và hỗ trợ hội viên thực hiện hợp tác, liên kết sản xuất với các doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế khác, bảo vệ lợi ích của hội viên trong quá trình ký kết và thực hiện hợp đồng liên kết.

10. Chế độ báo cáo

Định kỳ hàng năm (từ ngày 18 -25 tháng 11 hàng năm) các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố ven biển báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ tái cơ cấu trong lĩnh vực Thủy sản về UBND Tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn). Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp kết quả báo cáo UBND

Tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các đơn vị có liên quan trước ngày 01 tháng 12 hàng năm.

Trong quá trình tổ chức thực hiện có vướng mắc phát sinh cần sửa đổi, bổ sung, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố ven biển chủ động gửi ý kiến về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp báo cáo, trình UBND Tỉnh xem xét, quyết định./.

(Đính kèm Phụ lục các nhiệm vụ, nhu cầu vốn triển khai Kế hoạch hành động tái cơ cấu ngành thủy sản).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Văn Trúc

PHỤ LỤC:

CÁC NHIỆM VỤ, NHU CẦU VỐN TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG TÁI CƠ CẤU NGÀNH THỦY SẢN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2350/QĐ-UBND ngày 26/11/2015 của UBND tỉnh Phú Yên)

DVT: triệu đồng

TT	Nhiệm vụ	Tổng nhu cầu KH vốn năm 2015 và giai đoạn 2016-2020		Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
		Tổng nhu cầu vốn	Nguồn vốn				
	TỔNG CỘNG:	2.629.194					
I	Tuyên truyền, phổ biến và quán triệt Đề án	100	NS Tỉnh	Hàng năm	Sở Nông nghiệp và PTNT.	UBND các huyện, thị xã, thành phố ven biển; Các sở, ngành và địa phương có liên quan.	Đề xuất.
II	Nâng cao chất lượng quy hoạch và quản lý quy hoạch	1.938					
1	Quy hoạch tổng thể ngành thủy sản tỉnh Phú Yên đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030.	350	NS Tỉnh	2015-2016	Sở Nông nghiệp và PTNT.	UBND các huyện, thị xã, thành phố ven biển; Các sở, ngành và địa phương có liên quan.	262/TB-UBND ngày 17/4/2015 của UBND Tỉnh.
2	Quy hoạch nuôi trồng thủy sản nước lợ, mặn ven biển đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.	525	DA CRSD	2015-2016	Sở Nông nghiệp và PTNT (BQL Dự án nguồn lợi ven biển vì sự phát triển bền vững).	UBND các huyện, thị xã, thành phố ven biển; Các sở, ngành và địa phương có liên quan.	1966/QĐ-UBND ngày 05/12/2014 của UBND Tỉnh.
3	Quy hoạch khai thác thủy sản và dịch vụ hậu cần nghề cá vùng ven biển tỉnh Phú Yên đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.	553	DA CRSD	2014-2015	Sở Nông nghiệp và PTNT (BQL Dự án nguồn lợi ven biển vì sự phát triển bền vững).	UBND các huyện, thị xã, thành phố ven biển; Các sở, ngành và địa phương có liên quan.	2013/QĐ-UBND ngày 15/12/2014 của UBND Tỉnh.
4	Quy hoạch chi tiết khu đất đầu tư xây dựng cảng cá ngư chuyên dụng, chợ đầu giá cá ngư tỉnh Phú Yên.	510	NS Tỉnh	2015	Sở Nông nghiệp và PTNT (BQL Dự án nguồn lợi ven biển vì sự phát triển bền vững).	UBND thành phố Tuy Hòa và các Sở, ngành có liên quan.	887/TB-UBND ngày 27/12/2014 của UBND Tỉnh.
III	Triển khai các dự án trọng điểm	2.593.256					

Dự án cảng cá, bến cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá, dịch vụ							
1	bến cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá, dịch vụ	1.017.556					
1.1	Dự án Cảng cá ngư chuyên dụng, chợ đầu giá cá ngư tỉnh Phú Yên.	220.000	NSTW, NS Tỉnh, tư nhân	2015-2020	Sở Nông nghiệp và PTNT.	UBND thành phố Tuy Hòa và các Sở, ngành có liên quan.	102/TTr-SNN ngày 26/5/2015 của Sở NN và PTNT.
1.2	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Đông Tác.	122.556	NSTW, NS Tỉnh	2015-2019	Sở Nông nghiệp và PTNT.	UBND thành phố Tuy Hòa và các Sở, ngành có liên quan.	43/TTr-UBND ngày 07/7/2015 của UBND tỉnh.
1.3	Dự án Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá cửa Lễ Thịnh xã An Ninh Đông.	70.000	NSTW, NS Tỉnh	2016-2020	UBND huyện Tuy An.	Các Sở, ngành có liên quan.	
1.4	Nâng cấp Bến cá Phường 6.	45.000	NSTW, NS Tỉnh, tư nhân	2016-2020	UBND TP. Tuy Hòa.	Các Sở, ngành có liên quan.	3458/UBND-KT ngày 22/8/2014 của UBND Tỉnh V/v đăng ký bổ sung kế hoạch năm 2015 đối với các dự án ưu tiên đầu tư theo NĐ 67/2014/NĐ-CP.
1.5	Nâng cấp Cảng cá Tiên Châu.	20.000	NSTW, NS Tỉnh, tư nhân	2016-2020	UBND huyện Tuy An.	Các Sở, ngành có liên quan.	3458/UBND-KT ngày 22/8/2014 của UBND Tỉnh V/v đăng ký bổ sung kế hoạch năm 2015 đối với các dự án ưu tiên đầu tư theo NĐ 67/2014/NĐ-CP.
1.6	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Lạch Vạn Cùi.	50.000	NSTW, NS Tỉnh	2016-2020	UBND huyện Tuy An.	Các Sở, ngành có liên quan.	3458/UBND-KT ngày 22/8/2014 của UBND Tỉnh V/v đăng ký bổ sung kế hoạch năm 2015 đối với các dự án ưu tiên đầu tư theo NĐ 67/2014/NĐ-CP.

							3458/UBND-
1.7	Bến cá Mỹ Quang.	25.000	NSTW, NS Tỉnh, tư nhân	2016-2020	UBND huyện Tuy An.	Các Sở, ngành có liên quan.	KT ngày 22/8/2014 của UBND Tỉnh V/v đăng ký bổ sung kế hoạch năm 2015 đối với các dự án ưu tiên đầu tư theo NĐ 67/2014/NĐ-CP.
1.8	Bến cá Nhơn Hội.	25.000	NSTW, NS Tỉnh, tư nhân	2016-2020	UBND huyện Tuy An.	Các Sở, ngành có liên quan.	3458/UBND- KT ngày 22/8/2014 của UBND Tỉnh V/v đăng ký bổ sung kế hoạch năm 2015 đối với các dự án ưu tiên đầu tư theo NĐ 67/2014/NĐ-CP.
1.9	Bến cá Xuân Cảnh.	20.000	NSTW, NS Tỉnh, tư nhân	2016-2020	UBND TX. Sông Cầu.	UBND thành phố Tuy Hòa; Các Sở, ngành có liên quan.	3458/UBND- KT ngày 22/8/2014 của UBND Tỉnh V/v đăng ký bổ sung kế hoạch năm 2015 đối với các dự án ưu tiên đầu tư theo NĐ 67/2014/NĐ-CP.
1.10	Bến cá Gành Đò.	20.000	NSTW, NS Tỉnh, tư nhân	2016-2020	UBND TX. Sông Cầu.	Các Sở, ngành có liên quan.	3458/UBND- KT ngày 22/8/2014 của UBND Tỉnh V/v đăng ký bổ sung kế hoạch năm 2015 đối với các dự án ưu tiên đầu tư theo NĐ 67/2014/NĐ-CP.
1.11	Dự án đầu tư nhà máy thu mua, chế biến và xuất khẩu cá ngừ đại dương và thủy sản khác, năng lực 1.800 tấn/năm (tại TP.Tuy Hòa), tỉnh Phú Yên.	100.000	100% vốn Nhà đầu tư; hoặc Liên doanh nhà đầu tư trong và ngoài nước	2016-2020	Nhà đầu tư.	Các Sở, ngành có liên quan.	Đề xuất.

		100%					
1.12	Đầu tư xây dựng các Trung tâm dịch vụ hậu cần nghề cá tại Thị xã Sông Cầu và TP. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.	200.000	vốn Nhà đầu tư; hoặc Hợp tác giữa Nhà đầu tư và Nhà nước; hoặc Liên doanh Nhà đầu tư trong và ngoài nước	2016-2020	UBND thành phố Tuy Hòa; UBND thị xã Sông Cầu.	Các Sở, ngành có liên quan.	Đề xuất.
1.13	Dự án cụm công nghiệp đóng sửa tàu thuyền Tiên Châu, xã An Ninh Tây.	100.000	Ngân sách Tỉnh và tư nhân.	2016-2020	UBND huyện Tuy An	Các Sở, ngành có liên quan.	106/QĐ-UBND ngày 20/01/2014 của UBND Tỉnh.
2	Đóng mới, cải hoán vỏ, máy tàu khai thác và tàu dịch vụ hậu cần nghề cá (đóng mới 185 tàu, cải hoán máy tàu 465 tàu) theo Nghị định 67/2014/NĐ-CP	642.000	Vốn vay ngân hàng, vốn tự có của dân.	2014-2016	Các tổ chức, cá nhân.	Các Ngân hàng thương mại, các Sở, ngành có liên quan, UBND các địa phương ven biển.	135/KH-UBND ngày 27/12/2014 của UBND Tỉnh.
3	Đề án "Thí điểm tổ chức khai thác, thu mua, chế biến, tiêu thụ cá ngừ theo chuỗi" theo Quyết định số 3465/QĐ-BNN-TCTS của Bộ Nông nghiệp và PTNT	338.000	Vốn vay ngân hàng, vốn tự có của Doanh nghiệp, dân.	2014-2020	Công ty CP Bá Hải, 80 chủ tàu cá đánh bắt cá ngừ.	Các Ngân hàng thương mại, các Sở, ngành có liên quan.	477/TB-UBND ngày 22/7/2014 của UBND Tỉnh.
4	Triển khai dự án Nguồn lợi ven biển vì sự phát triển bền vững	14.700					
4.1	Nâng cấp hạ tầng công Khu sản xuất giống xã Xuân Hòa, thị xã Sông Cầu và thị trấn Hòa Hiệp Trung, huyện Đông Hòa.	8.400	DA CRSĐ	2014-2017	Sở Nông nghiệp và PTNT (BQL Dự án nguồn lợi ven biển vì sự phát triển bền vững).	UBND huyện Đông Hòa và thị xã Sông Cầu; Các Sở, ngành có liên quan.	1669/QĐ-UBND ngày 16/10/2012 của UBND Tỉnh.

					Sở Nông		
4.2	Triển khai các mô hình trình diễn (áp dụng VietGAP, các mô hình đa dạng hóa đối tượng nuôi,...).	6.300		2015-2017	ng nghiệp và PTNT (BQL Dự án nguồn lợi ven biển vì sự phát triển bền vững).	UBND các huyện, thị xã, thành phố và các Sở, ngành có liên quan.	1669/QĐ-UBND ngày 16/10/2012 của UBND Tỉnh.
5	Dự án hạ tầng vùng NTTS tập trung, vùng sản xuất giống tập trung	481.000					
5.1	Trung tâm giống thủy sản nước mặn tỉnh Phú Yên.	70.000	NSTW, NS Tỉnh.	2015-2020	Sở Nông nghiệp và PTNT.	UBND huyện Tuy An; Các Sở, ngành có liên quan.	147/BC-UBND ngày 15/7/2015 của UBND tỉnh.
5.2	Dự án Khu sản xuất giống thủy sản Hòa An, xã Xuân Hòa - TX. Sông Cầu.	30.000	NSTW, NS Tỉnh, tư nhân.	2015-2015	UBND TX. Sông Cầu.	Các Sở, ngành có liên quan.	3458/UBND-KT ngày 22/8/2014 của UBND Tỉnh V/v đăng ký bổ sung kế hoạch năm 2015 đối với các dự án ưu tiên đầu tư theo NĐ 67/2014/NĐ-CP.
5.3	Dự án đầu tư hạ tầng và chỉnh trang vùng nuôi trồng thủy sản Đầm Ô Loan (giai đoạn II).	25.000	NSTW, NS Tỉnh, tư nhân.	2016-2020	UBND huyện Tuy An.	UBND các huyện, thị xã, thành phố và các Sở, ngành có liên quan.	3458/UBND-KT ngày 22/8/2014 của UBND Tỉnh V/v đăng ký bổ sung kế hoạch năm 2015 đối với các dự án ưu tiên đầu tư theo NĐ 67/2014/NĐ-CP.
5.4	Hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản hạ lưu sông Bàn Thạch.	156.000	NSTW, NS Tỉnh, tư nhân.	2016-2020	Sở Nông nghiệp và PTNT.	UBND huyện Đông Hòa; Các Sở, ngành có liên quan.	1676/UBND-ĐTXD ngày 25/4/2015 của UBND Tỉnh.
5.5	Đầu tư hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản Long Thạnh.	200.000	NSTW, NS Tỉnh, tư nhân.	2016-2020	UBND TX. Sông Cầu.	Các Sở, ngành có liên quan.	3458/UBND-KT ngày 22/8/2014 của UBND Tỉnh V/v đăng ký bổ sung kế hoạch năm 2015 đối với các dự án ưu tiên đầu tư theo NĐ 67/2014/NĐ-CP.
6	Dự án hạ tầng vùng nuôi thủy	100.000					

	sản tập trung trên biển						
6.1	Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ nuôi hải sản bằng lồng bè trên biển (Đầm Cù Mông, vịnh Xuân Đài).	50.000	NSTW, NS Tỉnh, tư nhân.	2016-2020	UBND thị xã Sông Cầu.	Các Sở, ngành có liên quan.	3458/UBND-KT ngày 22/8/2014 của UBND Tỉnh V/v đăng ký bổ sung kế hoạch năm 2015 đối với các dự án ưu tiên đầu tư theo NĐ 67/2014/NĐ-CP.
6.2	Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ nuôi hải sản bằng lồng bè trên biển xã An Hải.	50.000	NSTW, NS Tỉnh, tư nhân.	2016-2020	UBND huyện Tuy An.	Các Sở, ngành có liên quan.	3458/UBND-KT ngày 22/8/2014 của UBND Tỉnh V/v đăng ký bổ sung kế hoạch năm 2015 đối với các dự án ưu tiên đầu tư theo NĐ 67/2014/NĐ-CP.
IV	Tổ chức lại trong sản xuất	3.900					
1	Đề án Phát triển bền vững nghề nuôi tôm hùm và nuôi tôm nước lợ.	1.200	NSTW, NS Tỉnh, tư nhân.	2016-2020	Sở Nông nghiệp và PTNT.	UBND các huyện, thị xã, thành phố và các Sở, ngành có liên quan.	Đề xuất.
2	Đề án Phát triển các mô hình liên kết theo chuỗi.	1.200	NSTW, NS Tỉnh, tư nhân.	2015-2020	Sở Nông nghiệp và PTNT.	UBND các huyện, thị xã, thành phố và các Sở, ngành có liên quan.	Đề xuất.
3	Xây dựng và tổ chức thực hiện hệ thống quan trắc môi trường và phòng ngừa dịch bệnh.	1.500	NSTW, NS Tỉnh, tư nhân.	2015-2020	Sở Nông nghiệp và PTNT.	UBND các huyện, thị xã, thành phố và các Sở, ngành có liên quan.	Đề xuất.
V	Về chuyên dịch cơ cấu sản phẩm, nâng cao chất lượng, sử dụng hiệu quả phế phụ phẩm	18.000					
1	Tổ chức sản xuất theo hướng tăng cường liên kết sản xuất nguyên liệu- chế biến- tiêu thụ.	6.000	NSTW, NS Tỉnh, tư nhân.	2016-2020	Sở Nông nghiệp và PTNT.	UBND các huyện, thị xã, thành phố và các Sở, ngành có liên quan.	Đề xuất.

	Chuyển dịch cơ						
2	cấu sản phẩm, nâng cao chất lượng, sử dụng hiệu quả phế phụ phẩm.	6.000	NSTW, NS Tỉnh, tư nhân.	2016-2020	Sở Nông nghiệp và PTNT.	UBND các huyện, thị xã, thành phố và các Sở, ngành có liên quan.	Đề xuất.
3	Chuyển dịch cơ cấu sản phẩm, nâng cao chất lượng, sử dụng hiệu quả phế phụ phẩm Giảm tổn thất sau thu hoạch.	6.000	NSTW, NS Tỉnh, tư nhân.	2016-2020	Sở Nông nghiệp và PTNT.	UBND các huyện, thị xã, thành phố và các Sở, ngành có liên quan.	Đề xuất.
VI	Xúc tiến đầu tư và thương mại thủy sản	3.000					
	Xây dựng hệ thống thông tin, dự báo thị trường để phổ biến kịp thời thông tin thị trường đến các doanh nghiệp để định hướng sản xuất hiệu quả.	3.000	NSTW, NS Tỉnh, tư nhân.	2015-2020	Sở Công Thương.	UBND các huyện, thị xã, thành phố và các Sở, ngành có liên quan.	Đề xuất.
VII	Khoa học công nghệ và đào tạo nghề	9.000					
1	Nghiên cứu, ứng dụng các công nghệ cao vào sản xuất thủy sản.	6.000	NS Tỉnh, tư nhân.	2015-2020	Sở Khoa học và Công nghệ.	UBND các huyện, thị xã, thành phố và các Sở, ngành có liên quan.	Đề xuất.
2	Đào tạo nghề, tập huấn kỹ thuật khai thác, nuôi trồng thủy sản.	3.000	NS Tỉnh, tư nhân.	2015-2020	Sở Nông nghiệp và PTNT.	UBND các huyện, thị xã, thành phố và các Sở, ngành có liên quan.	Đề xuất.

